

BIÊN BẢN
V/v Niêm yết công khai Năm học 2024-2025

I. Thời gian: 14 giờ 30 phút ngày 30 tháng 6 năm 2025

II. Địa điểm: Phòng Giáo viên Trường THPT Lộc Ninh

III. Thành phần:

- Ông Trần Hồng Phước – Hiệu trưởng
- Bà Lê Trần Uyên Tú – Kế toán
- Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh – Thư ký HĐ – Thư ký

IV. Nội dung:

1. Hồ sơ niêm yết công khai:

Niêm yết Báo cáo công khai năm học 2024-2025 (báo cáo số 346/BC-THPT LN ngày 30/6/2025 và các biểu mẫu kèm theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Báo cáo thực hiện quy chế công khai năm học 2024-2025).

2. Thời gian công khai: Từ 14 giờ 30 phút ngày 30 tháng 6 năm 2025 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2025 (*Thực hiện niêm yết ít nhất 90 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết, theo khoản 2 Điều 15 Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT (có hiệu lực ngày 19/7/2024).*

3. Địa điểm công khai: Bảng thông báo tại Phòng Giáo viên Nhà Trường, Website trường (<https://thpt-locninh-binhphuoc.edu.vn>)

4. Mọi ý kiến thắc mắc (nếu có) về nội dung công khai nêu trên đề nghị gửi về bộ phận văn phòng nhà trường để được giải đáp.

Biên bản được lập xong vào lúc 15 giờ 00 phút cùng ngày, đã đọc cho các thành phần tham dự nghe, thống nhất.

KẾ TOÁN



Lê Trần Uyên Tú

HIỆU TRƯỞNG



Trần Hồng Phước

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG



Nguyễn Thị Lệ Thanh

BÁO CÁO
V/V THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI
NĂM HỌC 2024-20245

Thực hiện Quyết định số 560/QĐ-THPT LN, ngày 12 tháng 11 năm 2024 về việc Ban hành Quy chế công khai trong nhà trường năm học 2024-2025.

Căn cứ tình hình thực hiện, Trường THPT Lộc Ninh báo cáo như sau:

I. Quán triệt hệ thống văn bản pháp quy

Căn cứ Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (sau đây gọi tắt là Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT);

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục.

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

II. Kết quả thực hiện công khai năm học 2024-2025

Đầu năm học, Hiệu trưởng ra Quyết định Quyết định số 560/QĐ-THPT LN, ngày 12 tháng 11 năm 2024 về việc Ban hành Quy chế công khai trong nhà trường năm học 2024-2025; quyết định số 561/QĐ-THPT LN ngày 12 tháng 11 năm 2024 về việc Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai trong nhà trường Năm học 2024-2025; quyết định số 49/QĐ-THPT LN ngày 06 tháng 02 năm 2025 về việc Kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai trong nhà trường Năm học 2024-2025. Hiệu trưởng đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Ban chỉ đạo. Trong năm học, nhà trường không có khiếu nại tố cáo và đã thực hiện tốt Quy chế công khai về:



- Thông tin chung về cơ sở giáo dục: thực hiện công khai các nội dung theo Điều 4 Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường theo khoản 5 Điều 8 Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT.

- Công khai về thu, chi tài chính: thực hiện theo Điều 5 Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT.

- Thực hiện công khai các nội dung theo mục 3 Điều 8, Điều 9 Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT.

III. Hình thức công khai

Công khai trong các cuộc họp Hội đồng sư phạm nhà trường, Đại hội CMHS, niêm yết tại phòng giáo viên, dán tại bảng thông tin trước sân trường, trên Website của nhà trường.

III. Các biểu mẫu (Đính kèm)

Nơi nhận:

- Niêm yết tại P.GV;
- HĐSP nhà trường;
- Đăng Website;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Hồng Phước



PHỤ LỤC I
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON
(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH PHƯỚC
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG LỘC NINH
(Kèm báo cáo số 346/BC-THPT LN ngày 30/6/2025 của Trường THPT Lộc Ninh)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2024-2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên Trường: Trường trung học phổ thông Lộc Ninh

2. Địa chỉ, số điện thoại, cổng thông tin điện tử: Đường Nguyễn Tất Thành – Khu phố Ninh Thịnh – TT Lộc Ninh – huyện Lộc Ninh – tỉnh Bình Phước; sdt: 02713567427; cổng thông tin điện tử: <https://thpt-locninh-binhphuoc.edu.vn/>

3. Loại hình cơ sở giáo dục/ cơ quan quản lý trực tiếp: Trường THPT Công lập/Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Phước.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

- Sứ mạng: Trường THPT Lộc Ninh có sứ mạng cung cấp một nền giáo dục chất lượng, toàn diện, giúp học sinh phát triển hài hòa về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất và năng lực. Nhà trường chú trọng bồi dưỡng tư duy sáng tạo, tinh thần trách nhiệm, khả năng tự học và năng lực thích ứng với sự thay đổi, từ đó hình thành những công dân có đạo đức, có bản lĩnh, có tri thức và có khả năng đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội trong thời đại hội nhập và phát triển.

- Tầm nhìn: Trường THPT Lộc Ninh phấn đấu trở thành một trong những cơ sở giáo dục tiêu biểu, đạt chất lượng cao; là môi trường học tập hiện đại, nhân văn, nơi ươm mầm những thế hệ học sinh có tri thức, nhân cách, bản lĩnh và tinh thần sáng tạo; sẵn sàng hội nhập quốc tế và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước.

- Mục tiêu của nhà trường:

+ Đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện: Cung cấp nền tảng kiến thức vững chắc, phát triển phẩm chất đạo đức, năng lực tư duy, kỹ năng sống và năng lực tự học cho học sinh.

+ Phát triển năng lực cá nhân học sinh: Khuyến khích học sinh phát triển tư duy sáng tạo, chủ động, độc lập; biết hợp tác, giải quyết vấn đề và ứng dụng kiến thức vào thực tiễn.

+ Bồi dưỡng đội ngũ giáo viên: Xây dựng đội ngũ giáo viên có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, năng lực chuyên môn cao, luôn đổi mới phương pháp giảng dạy và phát triển nghề nghiệp liên tục.

+ Xây dựng môi trường học tập tích cực: Tạo dựng môi trường học tập thân thiện, dân chủ, an toàn, hiện đại và mang tính hội nhập, khơi dậy niềm say mê học tập, sáng tạo và khát vọng vươn lên của học sinh.

+ Tăng cường hợp tác và hội nhập: Mở rộng mối quan hệ với các tổ chức giáo dục trong và ngoài nước, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, tiếp cận các xu hướng giáo dục tiên tiến.

5. Quá trình hình thành và phát triển của Trường THPT Lộc Ninh:

Trường cấp I-II Lộc Ninh là tiền thân của Trường THPT Lộc Ninh hiện nay, được khai giảng năm học đầu tiên vào ngày 05 tháng 9 năm 1972 tức là lúc Lộc Ninh mới được giải phóng chưa đầy 5 tháng. Bước sang năm học 1974-1975, UBND cách mạng huyện Lộc Ninh đã cho dời vị trí của trường vào lô cao su gần Lâm trường II (ngày nay là khu phố Ninh Thạnh Thị trấn Lộc Ninh). Năm học 1976-1977 trường được chuyển ra vị trí mới gần sân vận động Huyện Lộc Ninh (ngày nay là trường Dân tộc nội trú Huyện Lộc Ninh cũ) với những phòng học bằng mái tranh, vách nứa, sân trường vừa dốc, vừa lỏm chỏm đất đá, lúc này trường chỉ còn các lớp cấp 2 (từ lớp 6 đến lớp 8). Khó khăn gian khổ nhất kể từ sau ngày miền nam giải phóng là giai đoạn 1978-1979 là năm học đầu tiên nhô lên một lớp cấp III mở đường cho việc hình thành trường cấp 2-3 Lộc Ninh. Đến năm 1980 tỉnh Sông Bé cùng với sự giúp đỡ của Công ty cao su Lộc Ninh đã xây dựng cho nhà trường 10 phòng học ở vị trí trường cũ, 2 năm sau UBND Tỉnh Sông Bé ký Quyết định số 29/QĐ-UB ngày 20 tháng 10 năm 1982 thành lập Trường Phổ Thông Trung Học Lộc Ninh và nhà trường đã tồn tại và phát triển ở vị trí cũ đến ngày 19 tháng 11 năm 2019 nhà trường chuyển qua vị trí mới hiện nay. Đến ngày 18/11/2011 Trường có quyết định đổi tên Trường Phổ thông trung học Lộc Ninh thành Trường Trung học phổ thông Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, số 2572/QĐ-UBND ngày 18/11/2011 của Ủy Ban Nhân tỉnh Bình Phước. Có được mái trường khang trang như hiện tại là nhờ sự quan tâm của tỉnh ủy, UBND tỉnh Bình Phước, sở GD-ĐT Bình Phước, huyện ủy, UBND huyện Lộc Ninh cùng các sở ngành liên quan đã đầu tư xây mới ngôi trường ở một vị trí thuận lợi về mọi mặt.

Như vậy tính đến nay nhà trường đã có lịch sử hơn 50 năm hình thành và phát triển, đây là ngôi trường trường Phổ Thông Trung Học đầu tiên trên địa bàn huyện Lộc Ninh.

6. Thông tin người đại diện:

- Họ tên: Trần Hồng Phước
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Trường THPT Lộc Ninh, Đường Nguyễn Tất Thành – Khu phố Ninh Thạnh – TT Lộc Ninh – huyện Lộc Ninh – tỉnh Bình Phước.
- SĐT: 0988212411; Thư điện tử: *phuoctranhong74@gmail.com*

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập: Quyết định số 29/QĐ-UB ngày 20 tháng 10 năm 1982 thành lập Trường Phổ Thông Trung Học Lộc Ninh của UBND tỉnh Sông Bé; Quyết định số 2572/QĐ-UBND ngày 18/11/2011 của Ủy Ban Nhân tỉnh Bình Phước v/v định đổi tên Trường Phổ thông trung học Lộc Ninh thành Trường Trung học phổ thông Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường:

- Quyết định số 3681/QĐ-SGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Phước về việc kiện toàn Hội đồng trường của Trường THPT Lộc Ninh, nhiệm kỳ 2021-2026;

- Quyết định số 4435/QĐ-SGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Phước về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường của Trường THPT Lộc Ninh, nhiệm kỳ 2021-2026;

Quyết định số 737/QĐ-SGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Phước về việc kiện toàn Hội đồng trường của Trường THPT Lộc Ninh, nhiệm kỳ 2021-2026 (Hội đồng trường có 15 thành viên).

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường:

- Hiệu trưởng Trần Hồng Phước: Quyết định số: 279/QĐ-SGDĐT ngày 22/01/2025 V/v điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường THPT Lộc Ninh.

- Phó Hiệu trưởng Nguyễn Văn Thạch: Quyết định số: 4172/QĐ-SGDĐT ngày 25/12/2020 V/v bổ nhiệm lại chức vụ Phó hiệu trưởng Trường THPT Lộc Ninh.

- Phó Hiệu trưởng Trần Thị Mỹ Huệ: Quyết định số: 2294/QĐ-SGDĐT ngày 29/7/2021 V/v bổ nhiệm lại chức vụ Phó hiệu trưởng Trường THPT Lộc Ninh.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy.

- Quy chế làm việc của Trường THPT Lộc Ninh ban hành kèm theo quyết định số 72/QĐ-THPT LN ngày 17 tháng 10 năm 2022;

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: Quyết định số 3150/QĐ-SGDĐT ngày 17/10/2022 của Sở GD-ĐT Bình Phước về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Trường THPT Lộc Ninh.

- Tổ chức bộ máy:

+ Ban Giám Hiệu

Hiệu trưởng: Chịu trách nhiệm quản lý, điều hành các hoạt động và chất lượng giáo dục của nhà trường.

Phó Hiệu trưởng: Giúp hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông chỉ đạo, điều hành một hoặc một số lĩnh vực công tác thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ sở giáo dục phổ thông. Chịu trách nhiệm trước lãnh đạo cơ quan quản lý, trước hiệu trưởng và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công.

- Tổ chuyên môn: Chịu trách nhiệm về chương trình giảng dạy, phương pháp giáo dục. Xây dựng kế hoạch dạy học, phân công giảng dạy phù hợp với năng lực giáo viên. Điều phối và hỗ trợ giáo viên thực hiện chương trình môn học theo đúng kế hoạch của nhà trường và Bộ GD&ĐT. Tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ để trao đổi, rút kinh nghiệm, nâng cao năng lực chuyên môn. Hướng dẫn giáo viên áp dụng phương pháp dạy học tích cực, đổi mới kiểm tra đánh giá. Theo dõi, giám sát chất lượng giảng dạy của giáo viên trong tổ. Đánh giá kết quả học tập của học sinh và hiệu quả giảng dạy thông qua dự giờ, kiểm tra nội bộ. Thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm trong tổ. Thực hiện các chuyên đề đổi mới, áp dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy. Phản ánh kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá

trình dạy học để nhà trường có hướng giải quyết. Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, cuộc thi liên quan đến môn học.

- Giáo Viên THPT hạng III: Thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục học sinh trong các trường trung học phổ thông.

- Nhân Viên

+ **Thiết bị, thí nghiệm:** Thực hiện công tác thiết bị, thí nghiệm trong các trường trung học phổ thông.

+ **Giáo vụ:** Thực hiện công tác giáo vụ trong các trường trung học phổ thông.

+ **Kế toán viên:** Tham gia nghiên cứu, tham mưu, tổng hợp, tham gia thẩm định, hoạch định chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và phối hợp xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, dự án, đề án về công tác kế toán của đơn vị; hạch toán kế toán về thu, chi tài chính của đơn vị; báo cáo tình hình thực hiện thu, chi tài chính của đơn vị cho các đơn vị thuộc lĩnh vực phạm vi quản lý; chủ trì, tổ chức triển khai thực thi các nhiệm vụ chuyên môn theo mảng công việc được phân công.

+ **Lưu trữ viên:** Triển khai hoạt động văn thư, lưu trữ của đơn vị hoặc trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ văn thư theo mảng công việc được phân công tại đơn vị.

+ **Thư viện viên hạng III:** Thực hiện các hoạt động nghiệp vụ thư viện yêu cầu chuyên môn theo phân công của cấp có thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước cấp có thẩm quyền và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

+ **Nhân viên Bảo vệ:** Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Trụ sở, nơi làm việc của cơ quan theo phân công, đảm bảo an ninh, an toàn theo yêu cầu công tác của đơn vị

+ **Nhân viên Phục vụ:** Thực hiện công tác phục vụ các hoạt động đối nội, đối ngoại của Lãnh đạo đơn vị

+ **Y tế học đường:** Chủ trì thực hiện công tác y tế trường học của nhà trường

+ **Nhân viên Điện – Nước:** Thực hiện nhiệm vụ nắm bắt quy trình, kĩ thuật về cấu trúc, máy móc, thiết bị, hệ thống, chương trình hoạt động của hệ thống máy kĩ thuật trong đơn vị; sửa chữa, bảo dưỡng và duy trì hệ thống máy móc, thiết bị công nghệ vận hành có hiệu quả tốt nhất.

d) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị trực thuộc, thành viên (nếu có).

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc của lãnh đạo đơn vị:

- Hiệu trưởng: Trần Hồng Phước; số điện thoại: 0988212411; phuoctranhong74@gmail.com; TT Lộc Ninh, huyện lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- Phó Hiệu trưởng: Nguyễn Văn Thạch; số điện thoại: 0911568558; thach558@gmail.com; TT Lộc Ninh, huyện lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- Phó Hiệu trưởng: Trần Thị Mỹ Huệ; số điện thoại: 0813952626; myhue.ln@gmail.com; TT Lộc Ninh, huyện lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

8. Các văn bản khác của đơn vị:

- Chiến lược phát triển của nhà trường: Quyết định số 3777/QĐ-SGDĐT ngày 26/11/2020 V/v phê duyệt Chiến lược phát triển giao đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 của trường THPT Lộc Ninh.

- Quy chế dân chủ: Quyết định số 466/QĐ-THPT LN ngày 23/9/2024 Về việc ban hành và tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ trong nhà trường của Trường THPT Lộc Ninh.

- Các nghị quyết của hội đồng trường, quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính, phát triển đội ngũ, quy chế chi tiêu nội bộ.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1) Số lượng:

+ Cán bộ quản lý: 03 người (trong đó: 01 Hiệu trưởng, trình độ Thạc sĩ; 02 Phó Hiệu trưởng, trình độ 01 thạc sĩ và 01 đại học).

+ Giáo viên: 80 Giáo viên (14 thạc sĩ, 66 đại học).

+ Nhân viên: 10 người (06 đại học, 1 cao đẳng, 1 trung cấp, 02 trình độ khác).

2) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

- Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: 93 người (03 cán bộ quản lý, 80 giáo viên và 10 nhân viên).

- 100% giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp.

3) Số lượng tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

- 100% giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Diện tích tổng thể của nhà trường là 3ha.

- Có cổng, biển tên trường, tường bao quanh; đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho học sinh.

- Khối phòng hành chính quản trị, phòng sinh hoạt chung, phòng học, phòng bộ môn, nhà năng và sân chơi bãi tập đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định.

- Nhà trường hiện có 40 phòng học/ 39lớp, thiết bị dạy học tương đối đầy đủ, tuy nhiên chưa được trang bị đồ dùng dạy học theo chương trình 2018.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường được Công nhận và cấp Chứng nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1, quyết định số 2323/QĐ-SGDĐT ngày 18/6/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Phước.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

- Số lượng học sinh trúng tuyển vào lớp 10 năm học 2024-2025: 588 học sinh.

- Số lượng sinh toàn trường: 1498

+ Khối 10: 580 học sinh (351 học sinh nữ; 28 học sinh DTTS, 01 học sinh khuyết tật)

+ Khối 11: 463 học sinh (266 học sinh nữ; 14 học sinh DTTS, 0 học sinh khuyết tật)

- + Khối 12: 455 học sinh (267 học sinh nữ; 16 học sinh DTTS, 01 học sinh khuyết tật)
- Số học sinh học 02 buổi/ngày: 0
- Số lượng học sinh chuyển trường đi, học nghề năm học 2024-2025: 13 học sinh (kèm theo danh sách)

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Chuyển đến	Ngày chuyển	Học kỳ
1	2203353344	Nguyễn Duy Thanh - 2203353344	12A3	23/01/2007		06/09/2024	1
2	2304180333	Lê Vương Thanh Tuyền - 2304180333	11A1	16/02/2008	TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu - Quận Tân Bình - Tỉnh TP. Hồ Chí Minh	05/09/2024	1
3	2304180374	Nguyễn Thị Minh Anh - 2304180374	11A2	10/11/2008	Trường TH, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm - Thành phố Thủ Dầu Một - Tỉnh Bình Dương	05/09/2024	1
4	2304942773	Trương Anh Khoa - 2304942773	11A3	12/01/2008	Trường THCS&THPT Minh Hưng - Thị xã Chơn Thành - Tỉnh Bình Phước	23/08/2024	1
5	2304180492	Nguyễn Bảo Nghi - 2304180492	11A5	23/08/2008	Trường THPT Tân Đông - Huyện Tân Châu - Tỉnh Tây Ninh	05/07/2024	1
6	2203352329	Trần Minh Hoàng - 2203352329	11A3	12/10/2006	Trung tâm GDNN - GDTX Lộc Ninh - Huyện Lộc Ninh - Tỉnh Bình Phước	05/09/2024	1
7	2405247584	Vũ Kim Anh - 2405247584	10A6	13/01/2009	THPT NK TDTT Huyện Bình Chánh - Huyện Bình Chánh - Tỉnh TP. Hồ Chí Minh	05/09/2024	1
8	2405292055	Nguyễn Hữu Yến Nhi - 2405292055	10A11	26/03/2009	Trường THPT Nguyễn Viết Xuân - Huyện Di Linh - Tỉnh Lâm Đồng	06/09/2024	1
9	2203353911	Phạm Ngọc Mỹ Huyền - 2203353911	12A4	19/04/2007		06/09/2024	1
10	2405247904	Văn Ngọc Pha Lê - 2405247904	10A7	21/09/2009		30/12/2024	1
11	2405246525	Phạm Vũ Thiên Thư - 2405246525	10A3	28/01/2009		15/11/2024	1
12	2405292376	Vũ Thị Thùy Dương - 2405292376	10A13	17/11/2009		25/02/2025	2
13	2405292394	Tổng Thị Ngọc Vy - 2405292394	10A13	12/09/2009		15/02/2025	2

- Danh sách học sinh bỏ học năm học 2024-2025: 04 học sinh

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Lớp học	Hình thức	Lý do	Học kỳ	Ngày
1	2405734676	Nguyễn Bảo Anh Thư	11A12	Bỏ học	Nguyên nhân khác	2	19/05/2025
2	2405292386	Trần Đức Phong	10A13	Bỏ học	Nguyên nhân khác	1	10/11/2024
3	2304180617	Phan Thị Dũ Yến	11A9	Bỏ học	Nguyên nhân khác	1	12/10/2024
4	2203355945	Trần Hoàng Duy	11A3	Bỏ học	Học lực yếu kém	1	16/09/2024

- Số Học sinh chuyển đến năm học 2024-2025: 07 học sinh (03 học sinh khối 12; 02 học sinh khối 11 và 03 học sinh khối 10).

- Kết quả đánh giá học sinh năm học 2024-2025.

BẢNG THỐNG KÊ TỈ LỆ XẾP LOẠI HỌC LỰC VÀ HÀNH KIỂM
Năm học 2024 - 2025

STT	Lớp	Số	Học lực								Hành kiểm							
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG		1496	422	28.21%	740	49.47%	328	21.93%	6	0.40%	1340	89.57%	110	7.35%	44	2.94%	2	0.13%
Khối 10		579	90	15.54%	271	46.80%	212	36.61%	6	1.04%	505	87.22%	49	8.46%	24	4.15%	1	0.17%
1	10A1	45	8	17.78%	24	53.33%	13	28.89%	0	0.00%	39	86.67%	6	13.33%	0	0.00%	0	0.00%
2	10A2	42	8	19.05%	26	61.90%	8	19.05%	0	0.00%	41	97.62%	1	2.38%	0	0.00%	0	0.00%
3	10A3	38	10	26.32%	21	55.26%	7	18.42%	0	0.00%	37	97.37%	1	2.63%	0	0.00%	0	0.00%
4	10A4	35	0	0.00%	19	54.29%	15	42.86%	1	2.86%	26	74.29%	4	11.43%	4	11.43%	1	2.86%
5	10A5	42	11	26.19%	28	66.67%	3	7.14%	0	0.00%	40	95.24%	1	2.38%	1	2.38%	0	0.00%
6	10A6	37	1	2.70%	29	78.38%	7	18.92%	0	0.00%	33	89.19%	0	0.00%	4	10.81%	0	0.00%
7	10A7	42	0	0.00%	10	23.81%	30	71.43%	2	4.76%	33	78.57%	7	16.67%	2	4.76%	0	0.00%
8	10A8	39	33	84.62%	6	15.38%	0	0.00%	0	0.00%	39	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
9	10A9	47	8	17.02%	27	57.45%	12	25.53%	0	0.00%	38	80.85%	8	17.02%	1	2.13%	0	0.00%
10	10A10	44	7	15.91%	17	38.64%	20	45.45%	0	0.00%	41	93.18%	3	6.82%	0	0.00%	0	0.00%
11	10A11	43	2	4.65%	28	65.12%	13	30.23%	0	0.00%	42	97.67%	1	2.33%	0	0.00%	0	0.00%
12	10A12	44	0	0.00%	15	34.09%	29	65.91%	0	0.00%	35	79.55%	8	18.18%	1	2.27%	0	0.00%
13	10A13	38	0	0.00%	5	13.16%	31	81.58%	2	5.26%	27	71.05%	6	15.79%	5	13.16%	0	0.00%
14	10A14	43	2	4.65%	16	37.21%	24	55.81%	1	2.33%	34	79.07%	3	6.98%	6	13.95%	0	0.00%
Khối 11		463	154	33.26%	216	46.65%	93	20.09%	0	0.00%	404	87.26%	40	8.64%	18	3.89%	1	0.22%
15	11A1	39	31	79.49%	8	20.51%	0	0.00%	0	0.00%	38	97.44%	1	2.56%	0	0.00%	0	0.00%
16	11A2	36	16	44.44%	18	50.00%	2	5.56%	0	0.00%	34	94.44%	1	2.78%	1	2.78%	0	0.00%
17	11A3	35	4	11.43%	25	71.43%	6	17.14%	0	0.00%	31	88.57%	4	11.43%	0	0.00%	0	0.00%
18	11A4	46	39	84.78%	6	13.04%	1	2.17%	0	0.00%	45	97.83%	0	0.00%	1	2.17%	0	0.00%
19	11A5	44	7	15.91%	25	56.82%	12	27.27%	0	0.00%	37	84.09%	7	15.91%	0	0.00%	0	0.00%
20	11A6	36	13	36.11%	21	58.33%	2	5.56%	0	0.00%	32	88.89%	3	8.33%	1	2.78%	0	0.00%
21	11A7	35	4	11.43%	21	60.00%	10	28.57%	0	0.00%	27	77.14%	6	17.14%	2	5.71%	0	0.00%
22	11A8	35	20	57.14%	14	40.00%	1	2.86%	0	0.00%	35	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
23	11A9	45	5	11.11%	10	22.22%	30	66.67%	0	0.00%	22	48.89%	13	28.89%	9	20.00%	1	2.22%
24	11A10	40	8	20.00%	27	67.50%	5	12.50%	0	0.00%	39	97.50%	0	0.00%	1	2.50%	0	0.00%
25	11A11	35	7	20.00%	26	74.29%	2	5.71%	0	0.00%	34	97.14%	1	2.86%	0	0.00%	0	0.00%
26	11A12	37	0	0.00%	15	40.54%	22	59.46%	0	0.00%	30	81.08%	4	10.81%	3	8.11%	0	0.00%
Khối 12		454	178	39.21%	253	55.73%	23	5.07%	0	0.00%	431	94.93%	21	4.63%	2	0.44%	0	0.00%
27	12A1	29	5	17.24%	23	79.31%	1	3.45%	0	0.00%	28	96.55%	1	3.45%	0	0.00%	0	0.00%
28	12A2	39	5	12.82%	30	76.92%	4	10.26%	0	0.00%	37	94.87%	2	5.13%	0	0.00%	0	0.00%
29	12A3	30	7	23.33%	19	63.33%	4	13.33%	0	0.00%	30	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
30	12A4	36	35	97.22%	1	2.78%	0	0.00%	0	0.00%	36	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
31	12A5	29	16	55.17%	13	44.83%	0	0.00%	0	0.00%	29	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
32	12A6	30	0	0.00%	30	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	29	96.67%	1	3.33%	0	0.00%	0	0.00%
33	12A7	36	6	16.67%	30	83.33%	0	0.00%	0	0.00%	32	88.89%	4	11.11%	0	0.00%	0	0.00%
34	12A8	36	0	0.00%	32	88.89%	4	11.11%	0	0.00%	25	69.44%	9	25.00%	2	5.56%	0	0.00%
35	12A9	39	38	97.44%	1	2.56%	0	0.00%	0	0.00%	39	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
36	12A10	38	14	36.84%	24	63.16%	0	0.00%	0	0.00%	37	97.37%	1	2.63%	0	0.00%	0	0.00%
37	12A11	40	5	12.50%	32	80.00%	3	7.50%	0	0.00%	37	92.50%	3	7.50%	0	0.00%	0	0.00%
38	12A12	26	4	15.38%	15	57.69%	7	26.92%	0	0.00%	26	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
39	12A13	46	43	93.48%	3	6.52%	0	0.00%	0	0.00%	46	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%

Ghi chú: Có 02 học sinh khuyết tật không tham gia biểu mẫu thống kê (01 hs khối 10 và 01 học sinh khối 12).

- Số lượng học sinh đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp THPT: 454 (Số học sinh dự thi TN THPT 453, 01 học sinh xin rút hồ sơ đi học nghề và không tham dự kỳ thi TN THPT).

- Số học sinh được lên lớp, lưu ban năm học 2024-2025

THỐNG KÊ TỈ LỆ LÊN LỚP LƯU BAN
Năm học 2024 - 2025

STT	Lớp	Số HS	Số HS đã TK	Lên lớp		Lưu ban	
				SL	TL	SL	TL
1	10A1	45	45	45	100.00%	0	0.00%
2	10A2	42	42	42	100.00%	0	0.00%
3	10A3	38	38	38	100.00%	0	0.00%
4	10A4	35	35	34	97.14%	1	2.86%
5	10A5	42	42	42	100.00%	0	0.00%
6	10A6	37	37	37	100.00%	0	0.00%
7	10A7	42	42	40	95.24%	2	4.76%
8	10A8	39	39	39	100.00%	0	0.00%
9	10A9	47	47	47	100.00%	0	0.00%
10	10A10	45	44	44	97.78%	0	0.00%
11	10A11	43	43	43	100.00%	0	0.00%
12	10A12	44	44	44	100.00%	0	0.00%
13	10A13	38	38	36	94.74%	2	5.26%
14	10A14	43	43	42	97.67%	1	2.33%
Khối 10		580	579	573	98.79%	6	1.03%
15	11A1	39	39	39	100.00%	0	0.00%
16	11A2	36	36	36	100.00%	0	0.00%
17	11A3	35	35	35	100.00%	0	0.00%
18	11A4	46	46	46	100.00%	0	0.00%
19	11A5	44	44	44	100.00%	0	0.00%
20	11A6	36	36	36	100.00%	0	0.00%
21	11A7	35	35	35	100.00%	0	0.00%
22	11A8	35	35	35	100.00%	0	0.00%
23	11A9	45	45	44	97.78%	1	2.22%
24	11A10	40	40	40	100.00%	0	0.00%
25	11A11	35	35	35	100.00%	0	0.00%
26	11A12	37	37	37	100.00%	0	0.00%
Khối 11		463	463	462	99.78%	1	0.22%
27	12A1	29	29	29	100.00%	0	0.00%
28	12A2	39	39	39	100.00%	0	0.00%
29	12A3	30	30	30	100.00%	0	0.00%
30	12A4	36	36	36	100.00%	0	0.00%
31	12A5	29	29	29	100.00%	0	0.00%
32	12A6	30	30	30	100.00%	0	0.00%
33	12A7	36	36	36	100.00%	0	0.00%
34	12A8	36	36	36	100.00%	0	0.00%
35	12A9	39	39	39	100.00%	0	0.00%
36	12A10	38	38	38	100.00%	0	0.00%
37	12A11	40	40	40	100.00%	0	0.00%
38	12A12	27	26	26	96.30%	0	0.00%
39	12A13	46	46	46	100.00%	0	0.00%
Khối 12		455	454	454	99.78%	0	0.00%
TỔNG CỘNG		1498	1496	1489	99.40%	7	0.47%

I. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

1.1. Các khoản thu

- Các khoản thu phân theo nguồn kinh phí:

+ Ngân sách nhà nước: 17.895.498.060đ

+ Học phí: 1.386.822.023đ

+ Dạy thêm – học thêm năm học 2024-2025: 1.013.381.000đ

+ Phục vụ học tập, vệ sinh trường lớp năm học 2024-2025: 561.990.000đ

+ Nguồn thu chăm sóc sức khỏe ban đầu (y tế trường học) năm học 2024-2025: 23.636.616đ

- Các khoản thu phân theo loại hoạt động:

+ Hoạt động giáo dục và đào tạo: 20.881.327.699đ

+ Hoạt động khác: 0đ

1.2. Các khoản chi:

- Chi lương và hoạt động (nguồn ngân sách tự chủ): 17.261.510.060đ

- Chi hỗ trợ Tết (nguồn ngân sách không tự chủ): 167.400.000đ

- Chi kinh phí Đảng (nguồn ngân sách không tự chủ): 60.518.000đ

- Chi hỗ trợ học sinh (nguồn ngân sách không tự chủ): 146.070.000đ

- Chi chế độ thi Tuyển sinh + tốt nghiệp THPT (nguồn ngân sách không tự chủ): 260.000.000đ

- Chi học phí: 1.274.990.164đ

- Chi nguồn Dạy thêm – học thêm năm học 2024-2025: 1.013.381.000đ

- Phục vụ học tập, vệ sinh trường lớp năm học 2024-2025: 545.651.044đ

- Chi nguồn Nguồn thu chăm sóc sức khỏe ban đầu (y tế trường học) năm học 2024-2025: 25.807.350đ

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

- Học phí: 80.000đồng/học sinh/tháng.

- Dạy thêm-học thêm:

+ Khối 10: 468.000/học sinh/HKI

+ Khối 11: 503.000/học sinh/HKI

+ Khối 12: 1.300.000/học sinh/HKI

- Quỹ phục vụ học tập: 390.000đ/học sinh/năm học.

(Kèm phụ lục Công khai mức thu học phí và các khoản thu khác)

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học: Thực hiện kịp thời và đúng theo quy định
(Kèm phụ lục Công khai các khoản chi từ nguồn thu học phí năm 2024)

3. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

- Ngân sách nhà nước : 0đ

- Học phí : 111.831.859đ

- Phục vụ học tập, vệ sinh trường lớp năm học 2024-2025: 16.338.956đ

- Nguồn thu chăm sóc sức khỏe ban đầu (y tế trường học) năm học 2024-2025:
20.462.360đ

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Trong năm học 2024-2025, về việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học, nhà trường cơ bản đã đạt được các mục tiêu đề ra về chất lượng giáo dục hai mặt của học sinh, học sinh giỏi tỉnh, học sinh giỏi Olympic 30/4, sáng kiến, sáng tạo khoa học kỹ thuật,...

